ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 867/NQ-UBTVQH14

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13;

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 701/TTr-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân tối cao tại Tờ trình số 08/TTr-TANDTC ngày 03 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Tờ trình số 01/TTr-VKSTC ngày 03 tháng 01 năm 2020, Ủy ban Tư pháp tại văn bản số 2292/BC-UBTP14 ngày 06 tháng 01 năm 2020 và Báo cáo thẩm tra số 2900/BC-UBPL14 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban Pháp luật,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Quảng Ngãi

1. Nhập toàn bộ 339,10 km^2 diện tích tự nhiên, 20.168 người của huyện Tây Trà vào huyện Trà Bồng. Sau khi nhập, huyện Trà Bồng có 760,34 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 53.379 người.

Huyện Trà Bồng giáp các huyện Bình Sơn, Sơn Hà, Sơn Tây, Sơn Tịnh và tỉnh Quảng Nam.

2. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Trà Bồng như sau:

a) Thành lập xã Sơn Trà trên cơ sở nhập toàn bộ 17,27 km^2 diện tích tự nhiên, 2.013 người của xã Trà Quân và toàn bộ 32,65 km^2 diện tích tự nhiên, 1.902 người của xã Trà Khê. Sau khi thành lập, xã Sơn Trà có 49,92 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 3.915 người.

Xã Sơn Trà giáp các xã Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Phong, Trà Thanh, Trà Xinh và tỉnh Quảng Nam;

b) Thành lập xã Hương Trà trên cơ sở nhập toàn bộ 21,32 km^2 diện tích tự nhiên, 2.132 người của xã Trà Nham và toàn bộ 28,12 km^2 diện tích tự nhiên, 2.094 người của xã Trà Lãnh. Sau khi thành lập, xã Hương Trà có 49,44 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 4.226 người.

Xã Hương Trà giáp các xã Trà Bùi, Trà Lâm, Trà Phong, Trà Sơn, Trà Tân và Trà Tây;

c) Thành lập xã Trà Tây trên cơ sở nhập toàn bộ 20,00 km^2 diện tích tự nhiên, 614 người của xã Trà Trung và toàn bộ 49,53 km^2 diện tích tự nhiên, 2.075 người của xã Trà Thọ. Sau khi thành lập, xã Trà Tây có 69,53 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 2.689 người.

Xã Trà Tây giáp các xã Hương Trà, Trà Bùi, Trà Phong, Trà Xinh và huyện Sơn Hà.

3. Sau khi sắp xếp, huyện Trà Bồng có 16 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 15 xã: Hương Trà, Sơn Trà, Trà Bình, Trà Bùi, Trà Giang, Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Phong, Trà Phú, Trà Sơn, Trà Tân, Trà Tây, Trà Thanh, Trà Thủy, Trà Xinh và thị trấn Trà Xuân.

Điều 2. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi

1. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Bình Sơn như sau:

a) Nhập toàn bộ 5,67 km^2 diện tích tự nhiên, 3.885 người của xã Bình Thới vào thị trấn Châu Ổ. Sau khi nhập, thị trấn Châu Ổ có 8,20 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 13.027 người.

Thị trấn Châu Ổ giáp các xã Bình Dương, Bình Long, Bình Phước, Bình Trung;

b) Thành lập xã Bình Tân Phú trên cơ sở nhập toàn bộ 14,37 km^2 diện tích tự nhiên, 2.855 người của xã Bình Phú và toàn bộ 24,57 km^2 diện tích tự nhiên, 4.868 người của xã Bình Tân. Sau khi thành lập, xã Bình Tân Phú có 38,94 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 7.723 người.

Xã Bình Tân Phú giáp các xã Bình Châu, Bình Hải, Bình Hòa, Bình Thanh; huyện Sơn Tịnh, thành phố Quảng Ngãi và Biển Đông;

c) Thành lập xã Bình Thanh trên cơ sở nhập toàn bộ 13,87 km^2 diện tích tự nhiên, 2.778 người của xã Bình Thanh Đông và toàn bộ 12,46 km^2 diện tích tự nhiên, 4.346 người của xã Bình Thanh Tây. Sau khi thành lập, xã Bình Thanh có 26,33 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 7.124 người.

Xã Bình Thanh giáp các xã Bình Hiệp, Bình Hòa, Bình Long, Bình Phước, Bình Tân Phú và huyện Sơn Tịnh;

d) Sau khi sắp xếp, huyện Bình Sơn có 22 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 21 xã và 01 thị trấn.

2. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Tư Nghĩa như sau:

a) Nhập toàn bộ 17,54 km^2 diện tích tự nhiên, 1.276 người của xã Nghĩa Thọ vào xã Nghĩa Thắng. Sau khi nhập, xã Nghĩa Thắng có 39,15 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.541 người.

Xã Nghĩa Thắng giáp các xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn, Nghĩa Thuận; huyện Nghĩa Hành và huyện Sơn Tịnh;

b) Sau khi sắp xếp, huyện Tư Nghĩa có 14 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 12 xã và 02 thị trấn.

3. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Ba Tơ như sau:

a) Nhập 9,23 km^2 diện tích tự nhiên, 828 người của xã Ba Chùa vào thị trấn Ba Tơ. Sau khi nhập, thị trấn Ba Tơ có 32,05 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 6.739 người.

Thị trấn Ba Tơ giáp các xã Ba Bích, Ba Cung, Ba Dinh, Ba Trang và Ba Vinh;

b) Nhập toàn bộ 7,49 km^2 diện tích tự nhiên, 726 người của xã Ba Chùa sau khi điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính quy định tại điểm a khoản này vào xã Ba Dinh. Sau khi nhập, xã Ba Dinh có 43,15 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 5.103 người.

Xã Ba Dinh giáp các xã Ba Bích, Ba Giang, Ba Tô, Ba Vinh và thị trấn Ba Tơ;

c) Sau khi sắp xếp, huyện Ba Tơ có 19 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 18 xã và 01 thị trấn.

4. Giải thể các xã thuộc huyện Lý Sơn như sau:

a) Giải thể các xã An Bình, An Hải và An Vĩnh thuộc huyện Lý Sơn. Sau khi giải thể các xã, huyện Lý Sơn có 10,39 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 22.174 người.

Huyện Lý Sơn giáp Biển Đông;

b) Chính quyền địa phương ở huyện Lý Sơn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn mà pháp luật giao cho chính quyền địa phương ở huyện và xã trên phạm vi địa bàn huyện Lý Sơn.

Điều 3. Thành lập thị xã Đức Phổ và các phường thuộc thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

1. Thành lập thị xã Đức Phổ trên cơ sở toàn bộ 372,76 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 150.927 người của huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Thị xã Đức Phổ giáp các huyện Ba Tơ, Mộ Đức, Nghĩa Hành; tỉnh Bình Định và Biển Đông.

2. Thành lập các phường thuộc thị xã Đức Phổ như sau:

a) Thành lập phường Nguyễn Nghiêm trên cơ sở toàn bộ 6,09 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 8.712 người của thị trấn Đức Phổ.

Phường Nguyễn Nghiêm giáp các phường Phổ Hòa, Phổ Minh và Phổ Ninh;

b) Thành lập phường Phổ Hòa trên cơ sở toàn bộ 16,27 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 5.198 người của xã Phổ Hòa.

Phường Phổ Hòa giáp các phường Nguyễn Nghiêm, Phổ Minh, Phổ Ninh Phổ Vinh, xã Phổ Cường và huyện Ba Tơ;

c) Thành lập phường Phổ Vinh trên cơ sở toàn bộ 15,52 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 8.683 người của xã Phổ Vinh.

Phường Phổ Vinh giáp các phường Phổ Hòa, Phổ Minh, Phổ Quang, xã Phổ Cường, xã Phổ Khánh và Biển Đông;

d) Thành lập phường Phổ Ninh trên cơ sở toàn bộ 22,25 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.395 người của xã Phổ Ninh.

Phường Phổ Ninh giáp các phường Nguyễn Nghiêm, Phổ Hòa, Phổ Minh, Phổ Văn, xã Phổ Nhơn, xã Phổ Thuận và huyện Ba Tơ;

đ) Thành lập phường Phổ Minh trên cơ sở toàn bộ 9,33 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 5.281 người của xã Phổ Minh.

Phường Phổ Minh giáp các phường Nguyễn Nghiêm, Phổ Hòa, Phổ Ninh, Phổ Quang, Phổ Văn, Phổ Vinh;

e) Thành lập phường Phổ Văn trên cơ sở toàn bộ 10,54 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.489 người của xã Phổ Văn.

Phường Phổ Văn giáp các phường Phổ Minh, Phổ Ninh, Phổ Quang, xã Phổ An và xã Phổ Thuận;

g) Thành lập phường Phổ Quang trên cơ sở toàn bộ 11,01 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 8.667 người của xã Phổ Quang.

Phường Phổ Quang giáp các phường Phổ Minh, Phổ Văn, Phổ Vinh, xã Phổ An và Biển Đông;

h) Thành lập phường Phổ Thạnh trên cơ sở toàn bộ 29,73 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 22.767 người của xã Phổ Thạnh.

Phường Phổ Thạnh giáp xã Phổ Khánh, xã Phổ Châu; tỉnh Bình Định và Biển Đông.

Điều 5. Thành lập, giải thể Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện

1. Giải thể Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện:

a) Giải thể Tòa án nhân dân huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi để nhập vào Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi;

b) Giải thể Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi để nhập vào Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi;

c) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật.

2. Thành lập Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi:

a) Thành lập Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở kế thừa Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;

b) Thành lập Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở kế thừa Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2020.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, tỉnh Quảng Ngãi có 13 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 11 huyện, 01 thành phố và 01 thị xã; 173 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 148 xã, 17 phường và 08 thị trấn.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này; sắp xếp, ổn định bộ máy các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn.

2. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm hướng dẫn hoạt động; sắp xếp tổ chức bộ máy, quyết định biên chế, số lượng Thẩm phán, Kiểm sát viên, công chức khác và người lao động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng và thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc Hội và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân